

TESTO 760

ĐỒNG HỒ VẠN NĂNG KỸ THUẬT SỐ



1. Tổng quan

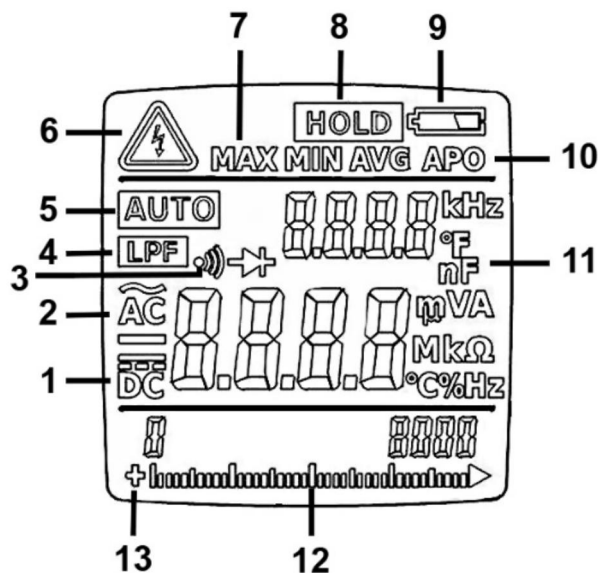
1.1 Màn hình và bộ điều khiển


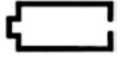

1. Các phím điều khiển
2. Màn hình LCD
3. Khu vực tay cầm
4. Ở phía sau: ngăn chứa pin và giá đỡ cho các đầu dò
5. Ở phía sau: giá đứng
6. Giắc cắm đầu vào
 - Testo 760-1: đo điện áp, điện trở, tính liên tục, diode, điện dung và tần số
 - Testo 760-2 / -3: đo điện áp, điện trở, tính liên tục, diode, điện dung, tần số, chu kỳ, nhiệt độ
7. Giắc cắm nối đất / COM cho tất cả các phép đo.
8. Giắc cắm đầu vào để đo dòng điện AC và DC mA/ μ A (lên đến 600mA) (chỉ testo 760-2 / -3)
9. Giắc cắm đầu vào để đo dòng điện AC và DC lên đến 10 A



1.2 Màn hình LCD

1. Dòng điện/ điện áp một chiều
2. Dòng điện/ điện áp xoay chiều
3. Kiểm tra diode và tính liên tục diode
4. Bộ lọc thông thấp
5. Chế độ **MODE** là cài đặt mặc định cho tất cả các chế độ đo
6. Điện áp nguy hiểm, AC ≥ 50 V, DC ≥ 120 V
7. Số đo tối đa, tối thiểu, trung bình
8. HOLD đc kích hoạt, màn hình LCD giữ giá trị đo hiện tại
9. Hiển thị dung lượng pin



Màn hình	Đặc tính
Không biểu tượng	Dung lượng pin 100-30%
	Dung lượng pin 30-15%
	Dung lượng pin 15-2%
 Nhấp nháy và phát tín hiệu âm thanh	Dung lượng pin 2-0%, thiết bị sẽ tự động tắt






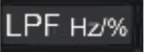
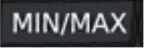
10. Chức năng tự động tắt được kích hoạt

11. Đơn vị đo lường

12. Màn hình analog (chỉ có testo 760-2/-3)

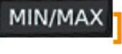
13. Chỉ ra cực trong biểu đồ thanh (chỉ có testo 760-2/-3)

1.3 Các chức năng phím điều khiển


Phím	Chức năng nhấn phím (<1s)	Chức năng đè phím (>2s)
Không biểu tượng	Dung lượng pin 100-30%	
 Bật/ Tắt	Bật thiết bị Bật/ Tắt chiếu sáng màn hình LCD	Tắt thiết bị
 Điện áp	Chế độ thủ công, chuyển đổi giữa các phép đo AC và DC , đơn vị mV và V . Chuyển sang chế độ điện áp AUTO khi thiết bị ở chế độ đo RCDC .	Quay lại chế độ AUTO
 Dòng điện	Kích hoạt chế độ thủ công, chuyển đổi giữa chế độ đo AC và DC và giữa các dải mA và µA (chỉ có testo 760-2 / -3).	Quay lại chế độ AUTO
Testo 760-1  Điều khiển RCDC	Kích hoạt chế độ thủ công, chuyển đổi giữa điện trở, điện dung, diode và tính liên tục	Quay lại chế độ AUTO Đo nhiệt độ (với bộ chuyển đổi cặp nhiệt điện được kết nối)
 HOLD	Bật/ tắt chức năng HOLD (bật / tắt màn hình LCD làm mới)	-
 LPF Hz/%	Chỉ có Testo 760-2 / -3 - Ở chế độ đo điện áp AC : bật / tắt LPF (bộ lọc thông thấp) - Chuyển đổi giữa đo tần số và chu kỳ làm việc	Ở chế độ đo điện áp: cho phép / vô hiệu hóa phép đo tần số / chu kỳ nhiệm vụ
 MIN/MAX	Bật chức năng tối đa, tối thiểu và trung bình	Tắt chế độ đo

1.4 Các chức năng khác


MAX/ MIN/ AVG

 cho phép chuyển đổi giữa tối đa, tối thiểu và hiển thị định kỳ các giá trị trung bình.

Chức năng này bị tắt trong cài đặt mặc định

> Kích hoạt chức năng: nhấn  <1 s.


- Giá trị tối đa được hiển thị.


> Hiển thị giá trị tối thiểu và hiển thị định kỳ các giá trị trung bình: nhấn  <1 s mỗi lần.


> Thoát chức năng: nhấn  > 2 giây hoặc .


Chức năng này có thể được kích hoạt ở tất cả các chế độ đo (chức năng này không khả dụng cho phép đo tần số và điện dung với testo 760-1).

Khi nhấn [] ở chế độ đo **AUTO** điện áp **AC/DC** hoặc chế độ đo **AUTO** dòng điện **AC/DC**, thiết bị vẫn giữ cài đặt **AC/DC** được chọn cuối cùng. Trong tất cả các chế độ hoạt động khác, bạn có thể chọn những gì bạn cần bằng cách nhấn nhanh các phím có liên quan:


- Đo điện áp: nhấn 

- Đo dòng điện: nhấn 


- Đo điện trở, liên tục, diode và điện dung: nhấn 

- Đo tần số và chu kỳ: nhấn 

 **HOLD**

> Kích hoạt chức năng: nhấn  <1 s.


- Giá trị đọc hiện tại được ghi lại và **HOLD** hiển thị trên màn hình LCD.

> Thoát chức năng: nhấn  <1 s.

- Số đo hiện tại được hiển thị.

 Chức năng LPF (bộ lọc thông thấp) (chỉ có testo 760-2/3)

Chức năng **LPF** kích hoạt bộ lọc thông thấp (1 kHz). Bộ lọc thông thấp có thể được kích hoạt trong chế độ đo điện áp xoay chiều và cả trong chế độ đo dòng điện xoay chiều. Nó được tắt trong cài đặt mặc định.

> Kích hoạt **LPF** (bộ lọc thông thấp): nhấn  <1 giây.

- Giá trị tương ứng được hiển thị trên màn hình LCD


2. Vận hành thiết bị

2.1 Bật thiết bị

> Để bật: nhấn phím  trong <1 giây.


- Thiết bị bật.

2.2 Bật/ tắt đèn nền



> Để bật / tắt: bấm nhanh phím .

Đèn nền sẽ tự động tắt trong vòng 1 phút.


2.3 Tắt thiết bị (tự động/ thủ công)


 Tự động

Chức năng tự động tắt nguồn (**APO**) luôn được bật làm cài đặt mặc định và được hiển thị trên màn hình LCD dưới dạng **APO**. Nếu không có phím điều khiển nào được nhấn trong vòng 15 phút, thiết bị sẽ tự động tắt. Nếu cần, có thể tắt chức năng ngắt nguồn tự động (**APO**).

> Tắt chức năng tắt nguồn: Trước khi bật thiết bị, hãy nhấn và giữ rồi . nhấn nhanh . Thả các phím đồng thời.

- Chức năng tắt nguồn bị tắt.

 Thủ công


- Nhấn giữ phím  >2s.

3. Kiểm tra thiết bị

3.1 Chuẩn bị

Trước mỗi bài kiểm tra, vui lòng đảm bảo rằng thiết bị ở tình trạng tốt:

- Ví dụ, để ý vỏ có bị hỏng hoặc pin có bị rò rỉ.
- Luôn tiến hành kiểm tra chức năng trước khi sử dụng thiết bị, xem bên dưới.
- Kiểm tra xem thiết bị có hoạt động tốt không (ví dụ ở nguồn điện áp đã biết) trước và sau mỗi lần thử nghiệm.
- Nếu không thể đảm bảo an toàn cho người sử dụng, thiết bị phải được tắt và bảo vệ để tránh việc sử dụng không chủ ý.

 Lắp đặt bộ bảo vệ đầu dò

Bộ bảo vệ đầu dò có thể được tháo/ lắp theo yêu cầu.

Chú ý: Việc sử dụng thiết bị bảo vệ đầu dò có thể được yêu cầu tùy thuộc vào các quy định của quốc gia!

> Bộ bảo vệ đầu dò: đẩy vào đầu dò hoặc kéo ra.


3.2 Đo điện áp

- Bật thiết bị


 Chế độ tự động đo

1. Kết nối các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**; kiểm tra màu đỏ dẫn đến giắc cắm **V/Ω/diode/capacitance**.
2. Kết nối dây dẫn kiểm tra với đối tượng kiểm tra.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

 Chế độ đo thủ công


✓ Thiết bị đang ở chế độ đo **AUTO V**.

1. Thoát chế độ đo tự động: nhấn  <1 s.

- Thiết bị ở chế độ **V AC**.

2. Chuyển đổi giữa **V AC**, **V DC**, **mV AC** và **mV DC**: nhấn  <1 s.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LC.

3. Chuyển sang chế độ đo tự động: nhấn  > 1 s.

- Thiết bị ở chế độ đo tự động khi **AUTO** xuất hiện trên màn hình LCD.

3.3 Đo dòng

3.3.1 Testo 760-1

- Bật thiết bị

Chế độ đo tự động

1. Kết nối các dây dẫn kiểm tra: dây dẫn kiểm tra màu đen với giắc cắm **COM**, dây dẫn kiểm tra màu đỏ với giắc cắm **A**.


- Máy đang ở chế độ **AUTO A**.

2. Kết nối các dây dẫn kiểm tra với đối tượng kiểm tra.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.


Chế độ đo thủ công

✓ Thiết bị đang ở chế độ đo **AUTO A**.

1. Tắt chế độ đo tự động: nhấn  <1 s.

2. Chuyển đổi giữa **A AC** và **A DC**: nhấn  <1 s.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

Chuyển sang chế độ đo tự động: nhấn  > 1 s.

- Thiết bị ở chế độ đo tự động khi **AUTO** sáng trên màn hình LCD.

3.3.2 Testo 760-2/-3

A. Giắc cắm 10A

Bật thiết bị

Chế độ đo tự động

1. Kết nối các dây dẫn kiểm tra: dây dẫn kiểm tra màu đen với giắc cắm **COM**, dây dẫn kiểm tra màu đỏ với giắc cắm **10A**.


- Máy đang ở chế độ **AUTO 10A**.

2. Kết nối các dây dẫn kiểm tra với đối tượng kiểm tra.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.


Chế độ đo thủ công

✓ Thiết bị đang ở chế độ đo **AUTO 10A**.

1. Tắt chế độ đo tự động: nhấn  <1 s.

2. Chuyển đổi giữa **A AC** và **A DC**: nhấn  <1 s.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

Chuyển sang chế độ đo tự động: nhấn  > 1 s.

- Thiết bị ở chế độ đo tự động khi **AUTO** sáng trên màn hình LCD.

B. Giắc cắm $\mu A/mA$

Bật thiết bị

Chế độ đo tự động

1. Kết nối các dây dẫn kiểm tra: dây dẫn kiểm tra màu đen với giắc cắm **COM**, dây dẫn kiểm tra màu đỏ với giắc cắm **$\mu\text{A}/\text{mA}$** .


- Máy đang ở chế độ **AUTO $\mu\text{A}/\text{mA}$** .

2. Kết nối các dây dẫn kiểm tra với đối tượng kiểm tra.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.


Chế độ đo thủ công

✓ Thiết bị đang ở chế độ đo **AUTO $\mu\text{A}/\text{mA}$** .

1. Tắt chế độ đo tự động: nhấn  <1 s.

2. Chuyển đổi giữa **mA AC**, **mA DC**, **$\mu\text{A AC}$** , **$\mu\text{A DC}$** :: nhấn  <1 s.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

Chuyển sang chế độ đo tự động: nhấn  > 1 s.

- Thiết bị ở chế độ đo tự động khi **AUTO** sáng trên màn hình LCD.

3.3.3 *Tùy chọn bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp (0590 0003) (testo 760-2 / -3)*

Đo dòng điện một chiều (DC)

1. Kết nối testo 760 và bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp với các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**; kiểm tra màu đỏ dẫn đến giắc cắm **V/ Ω /diode/capacitance**.

2. Bật testo 760.

3. Kích hoạt chế độ đo **mV DC** để đo điện áp: nhấn  4 lần.

4. Bật bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp.

- Đèn **LED** báo hiệu sự sẵn sàng hoạt động.

5. Đóng các hàm kẹp của bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp. Đảm bảo rằng không có dây dẫn nào được bao bọc.

> Zero bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp: nhấn [**ZERO**] <1 s.

6. Đặt các cáp được đo vào chính giữa trong kẹp.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

Đo dòng điện xoay chiều (AC)

1. Kết nối testo 760 và bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp với các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**; kiểm tra màu đỏ dẫn đến giắc cắm **V/ Ω /diode/capacitance**.

2. Bật testo 760.

3. Kích hoạt chế độ đo **AC mV** để kiểm tra tính liên tục: nhấn  3 lần.

4. Bật bộ chuyển đổi đồng hồ kẹp.

- Đèn **LED** báo hiệu sự sẵn sàng hoạt động.

5. Đặt các cáp đang được đo vào trung tâm trong kẹp.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

3.4 Đo điện trở, điện dung, tính liên tục và kiểm tra diode

> Trước khi đo, hãy đảm bảo rằng các tụ điện đã được phóng điện.


✓ Thiết bị được bật.

3.4.1 Testo 760-1

Chế độ đo thủ công

1. Kết nối các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**; kiểm tra màu đỏ dẫn đến giắc cắm **V/Ω/diode/capacitance**.

- Máy đang ở chế độ **Ω**.

2. Chuyển đổi giữa kiểm tra điện trở, điện dung, liên tục và diode: nhấn  <1 s.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

3.4.2 Testo 760-2/-3

Chế độ đo tự động

1. Kết nối các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**; kiểm tra màu đỏ dẫn đến giắc cắm **V/Ω/diode/capacitance**.

- Máy đang ở chế độ **AUTO V**.

2. Tắt chế độ đo **AUTO RCDC**: nhấn  <1 s.


3. Kết nối các đường dẫn kiểm tra với đối tượng kiểm tra.

- Thiết bị phát hiện điện trở, tính liên tục, diode và điện dung, đồng thời tự động điều chỉnh phạm vi đo.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

Chế độ đo thủ công (testo 760-2/-3)

1. Tắt chế độ đo **AUTO RCDC**: nhấn  <1 s.

2. Chuyển đổi giữa kiểm tra điện trở, điện dung, liên tục và diode: nhấn  <1 s.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LC.

> Chuyển về chế độ **AUTO RCDC**: nhấn  > 2 giây.

3.5 Đo tần số (testo 760-1)

✓ Thiết bị được bật.

1. Kết nối các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**; kiểm tra màu đỏ dẫn đến giắc cắm **V/Ω/diode/capacitance**.

- Thiết bị đang ở chế độ **AUTO V**.

2. Kích hoạt chế độ đo để đo tần số: nhấn [**Hz**] <1 s.

3. Kết nối các đường dẫn thử nghiệm với đối tượng thử nghiệm.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.
- > Chuyển về chế độ **AUTO V**: nhấn [**Hz**] <1 s.

3.6 Đo tần số/ chu kỳ (testo 760-2/-3)

✓ Thiết bị được bật.

1. Kết nối các dây dẫn thử nghiệm: dây dẫn thử nghiệm màu đen với giắc cắm **COM**, dây dẫn kiểm tra màu đỏ với giắc cắm **V/Ω/diode/capacitance**.

- Máy đang ở chế độ **AUTO V**

2. Kích hoạt chế độ đo để đo tần số: nhấn [**LPF Hz /%**] > 2 s.

3. Kích hoạt chế độ cho chu kỳ nhiệm vụ: nhấn [**LPF Hz /%**] <1 s.

4. Kết nối các đường dẫn thử nghiệm với đối tượng thử nghiệm.

- Giá trị đo được hiển thị trên màn hình LCD.

> Chuyển về chế độ **AUTO V**: nhấn [**LPF Hz /%**] > 2 giây.

3.7 Đo nhiệt độ (testo 760-2/-3)

✓ Một cặp nhiệt điện được gắn vào bộ chuyển đổi cặp nhiệt điện.

✓ Thiết bị được bật.

1. Kết nối bộ chuyển đổi cặp nhiệt điện với thiết bị: Cắm bộ chuyển đổi vào giắc cắm **COM** và vào giắc cắm **V/Ω/diode/capacitance**. Đảm bảo đúng cực!

- Bộ chuyển đổi cặp nhiệt điện tự động bật.

- Thiết bị đang ở chế độ **AUTO V**.

2. Kích hoạt chế độ đo **AUTO RCDC** cho các phép đo nhiệt độ: nhấn  > 2 s.

- Các giá trị đo được biểu thị bằng **°C** và **°F** trên màn hình LCD.

4. Dịch vụ và bảo trì

4.1 Mặt sau thiết bị

Vít 1 - 6: vỏ thiết bị

Vít 7 và 8: mở ngăn chứa pin



4.2 Thay pin

Cần thay pin khi biểu tượng pin xuất hiện trên màn hình LCD.

✓ Thiết bị được tắt và tắt nguồn.

1. Ngắt hoàn toàn thiết bị khỏi các dây dẫn kiểm tra.
2. Sử dụng tuốc nơ vít, vặn hai vít kim loại (7, 8) trên ngăn chứa pin cho đến khi có thể tháo được nắp ngăn chứa pin. Không tháo hoàn toàn các vít.
3. Tháo pin đã sử dụng.
4. Lắp pin mới, loại AAA / IEC LR03 (1.5 V), đảm bảo đúng cực.
5. Đặt nắp ngăn chứa pin trở lại và vặn xuống.

4.3 Thay thế cầu chì

✓ Thiết bị được tắt và tắt nguồn.

1. Ngắt hoàn toàn thiết bị khỏi các dây dẫn kiểm tra.
2. Gập chân đế ra.
3. Tháo và tháo các vít (1 đến 6) bằng tuốc nơ vít đầu chữ thập.
4. Tháo phần dưới của vỏ.
5. Tháo cầu chì bị lỗi khỏi giá đỡ cầu chì bằng dụng cụ kéo cầu chì thích hợp.
6. Lắp cầu chì mới vào giá đỡ cầu chì bằng cách sử dụng bộ kéo cầu chì.
7. Đặt phần dưới của vỏ vào và vặn vào bằng các vít.
8. Gấp trong giá đỡ.

4.4 Bảo trì

Khi vận hành theo hướng dẫn sử dụng, thiết bị không yêu cầu bất kỳ bảo dưỡng cụ thể nào.

Nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, việc đo đang diễn ra phải được dừng ngay lập tức.

4.5 Hiệu chuẩn

Để duy trì độ chính xác quy định của kết quả đo, Testo khuyên bạn nên hiệu chuẩn thiết bị mỗi năm một lần. Gửi thiết bị đến Testo-Industrial-Services GmbH để hiệu chuẩn.

4.6 Lưu trữ

- Bảo quản nhạc cụ trong phòng kín, khô ráo.

> Nếu thiết bị không được sử dụng trong một khoảng thời gian đáng kể: hãy tháo pin ra để tránh bất kỳ nguy hiểm hoặc thiệt hại nào do pin có thể bị rò rỉ.

4.7 Vệ sinh

Trước khi làm sạch, thiết bị phải được tắt và ngắt kết nối khỏi điện áp bên ngoài hoặc khỏi các thiết bị được kết nối khác (mẫu thử, bộ điều khiển, v.v.).

> Lau thiết bị bằng khăn ẩm và một ít chất tẩy rửa gia dụng nhẹ.

Không bao giờ sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa hoặc dung môi mạnh nào để làm sạch thiết bị! Sau khi được làm sạch, thiết bị không được sử dụng cho đến khi nó đã khô hoàn toàn.

5. Thông số kỹ thuật

5.1 Thông số kỹ thuật chung

Đặc tính	Giá trị
Nhiệt độ vận hành	-10°C to +50°C
Nhiệt độ lưu trữ	-15°C to +60°C
Độ ẩm	0 đến 80% RH
Cao độ vận hành	Lên đến 2000m
Thẻ loại đo	testo 760-1: CAT III/600 V testo 760-2: CAT IV/600 V testo 760-3: CAT IV/600 V
Mức độ ô nhiễm	2
Lớp bảo vệ	IP 64 chỉ hợp lệ khi sử dụng nắp silicone
Nguồn cấp	3×1.5V (AAA/IEC LR03)
Màn hình trạng thái pin	Batt. Biểu tượng xuất hiện < 3.9V
Màn hình	3 ¾ digit, màn hình LCD
Dải màn hình	Testo 760-1: 4.000 digit Testo 760-2/-3: 6.000 digit
Cảm báo phân cực	Tự động
Bảo vệ quá tải (cầu chì)	Testo 760-1: - F 10A / 600V, gồm, 6,3×32 mm, tối thiểu. dòng cắt 20kA Testo 760-2: - F 10A / 600V, gồm, 6,3×32 mm, tối thiểu. dòng cắt 30kA - F 630mA / 600 V, gồm, 6,3×32 mm, tối thiểu. dòng cắt 30kA Testo 760-3: - F 10A / 1.000V, gồm, 10×38 mm, tối thiểu. dòng cắt 30kA - F 630mA / 1.000V, gồm, 6,3×32 mm, tối thiểu. dòng cắt 3 kA
Kích thước (H x W x D)	167x85x45mm
Trọng lượng	340g
Tiêu chuẩn an toàn	EMV 2014/30/EU, EN 61326-1, Low Voltage Directive 2014/35/EU with the standard EN 61010-2-033, and insulation complying with class II IEC 536/DIN EN 61140
Chứng chỉ	CSA, CE

5.2 Dữ liệu kỹ thuật

5.2.1 Bảo vệ quá tải Testo 760-1 (cầu chì 10A)

Đặc tính	Dải đo	Độ phân giải	Độ chính xác
Điện áp DC	400 mV	0.1 mV	± (0,8% giá trị đo + 3 chữ số)
	4.000 mV	1 mV	
	40.00 mV	10 mV	
	400.0 mV	100 mV	
	600 V	1 V	
Điện áp AC	400 mV	0.1 mV	± (1,0% giá trị đo + 3 chữ số)
	4.000 mV	1 mV	
	40.00 mV	10 mV	
	400.0 mV	100 mV	
	600V	1 V	
Dòng DC	4 A	1mA	± (1,5% giá trị đo + 5 chữ số)
	10A	10mA	
Dòng AC	4A	1mA	± (1,0% giá trị đo + 3 chữ số)
	10A	10mA	
Điện trở	400.0 Ohm	0.1 Ohm	± (1,5% giá trị đo + 3 chữ số)
	4.000 kOhm	1 Ohm	
	40.00 kOhm	10 Ohm	
	400.0 kOhm	100 Ohm	
	4.000 MOhm	1 kOhm	
	40.00 MOhm	10 kOhm	
Bảo động liên tục	0 đến 30 Ohm		
Kiểm tra diode	2.5V		
Đo điện dung	51.20 nF ⁵	0.01 nF	± 10% thông thường
	512.0 nF	0.01 nF	± (1,5% giá trị đo + 5 chữ số)
	5.120 µF	0.001 µF	± (1,5% giá trị đo + 5 chữ số)
	51.20 µF	0.01 µF	± 10% thông thường
	100.0 µF ⁶	0.1 µF	± 10% thông thường
Đo tần số	5.120 Hz	0.001 Hz	± (0,1% + 1 chữ số)
	51.20 Hz	0.01 Hz	
	512.0 Hz	0.1 Hz	
	5.120 kHz	1 Hz	
	51.20 kHz	10 Hz	
	512.0 kHz	100 Hz	

Các số liệu tương ứng với $+23^{\circ}\text{C} \pm 5^{\circ}\text{C}$ ở $<80\%$ rel. độ ẩm. Hệ số nhiệt độ: $0,15 \times$ độ chính xác quy định trên 1°C ($<18^{\circ}\text{C}$ và $>28^{\circ}\text{C}$).

5.2.2 Testo 760-2/-3 (bảo vệ quá tải cầu chì 10A)

Đặc tính	Dải đo	Độ phân giải	Độ chính xác
Điện áp DC	600 mV 6.000 V 60.00 V 600.0V 1000V (760-3)	0.1mV 1 mV 10 mV 100 mv 1 V (760-3)	$\pm (0,8\% \text{ giá trị đo} + 3 \text{ chữ số})$
Điện áp AC	600 mV 6.000 mV 60.00 mV 600.0 mV 1000V	0.1 mV 1 mV 10 mV 100 mv 1 V (760-3)	$\pm (1,0\% \text{ giá trị đo} + 3 \text{ chữ số})$
Dòng DC	600 μA 6000 μA 60.00 mA 600.0 mA 6 A 10 A	0.1 μA 1 μA 10 μA 100 μA 1 mA 10 mA	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 5 \text{ chữ số})$
Dòng AC	600 μA 6000 μA 60.00 mA 600.0 mA 6 A 10 A	0.1 μA 1 μA 10 μA 100 μA 1 mA 10 mA	$\pm (1,0\% \text{ giá trị đo} + 3 \text{ chữ số})$
Điện trở	60.00 Ohm 600.0 Ohm 6.000 kOhm 60.00 kOhm 600.0 kOhm 6.000 MOhm 60.00 MOhm	0.01 Ohm 0.1 Ohm 1 Ohm 10 Ohm 100 Ohm 1 kOhm 10 kOhm	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 3 \text{ chữ số})$
Bảo động liên tục	0 đến 30 Ohm		
Kiểm tra diode	2.5V		
Bộ lọc thông thấp	Có (1kHz)		
Chu kỳ	20 Hz đến 1 kHz $\pm 1\% + 3$ chữ số 1 kHz đến 10 kHz $\pm 5\% + 3$ chữ số		
Đo điện dung	6.000 nF ¹⁵	0.001 nF	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 25 \text{ chữ số})$

	60.00 nF	0.01 nF	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 10 \text{ chữ số})$
	600.0 nF	0.1 nF	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 5 \text{ chữ số})$
	6.000 μ F	0.001 μ F	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 5 \text{ chữ số})$
	60.00 μ F	0.01 μ F	$\pm (1,5\% \text{ giá trị đo} + 5 \text{ chữ số})$
	600.0 μ F	0.1 μ F	$\pm (2\% \text{ giá trị đo} + 10 \text{ chữ số})$
	6.000 mF	1 μ F	$\pm 10\% \text{ thông thường}$
	60.00 mF ¹⁶	10 μ F	$\pm 10\% \text{ thông thường}$
Đo tần số	600.0 Hz 6.000 kHz 60.00 kHz 600.0 kHz 6.000 MHz 60.00 MHz	0.1 Hz 1 Hz 10 Hz 100 Hz 1 kHz 10 kHz	$\pm (0,1\% + 1 \text{ chữ số})$
Tần số với điện áp/ dòng điện	99.99 Hz 999.9 Hz 9.999 kHz	0.01 Hz 0.1 Hz 1 Hz	$\pm (0,1\% + 1 \text{ chữ số})$
Bộ chuyển đổi nhiệt độ	-20 đến 500°C	0.2°C	-20 to 0°C $\pm 2^\circ\text{C}$ 0 to 99.99 °C $\pm 1^\circ\text{C}$ 100 to 249.99 °C $\pm 1.5\%$ >250 °C $\pm 2\%$
Bộ chuyển đổi dòng điện	400A	0.1A	$\pm (2\% \text{ giá trị đo.} + 5 \text{ chữ số})$

Các số liệu tương ứng với $+23^\circ\text{C} \pm 5^\circ\text{C}$ ở $<80\%$ rel. độ ẩm. Hệ số nhiệt độ: 0,15 x độ chính xác quy định trên 1°C ($<18^\circ\text{C}$ và $>28^\circ\text{C}$)

6. Lời khuyên và hỗ trợ

6.1 Câu hỏi và trả lời

Câu hỏi	Nguyên nhân/ giải pháp
OL	Số đọc vượt quá giới hạn trên của dải đo > Kiểm tra giá trị đầu vào và thay đổi nếu cần.
LEAd	Không có đầu dò trong giắc cắm hoặc sắp xếp không hợp lệ với cảnh báo cho người dùng > Kết nối đầu dò bị thiếu. > Kiểm tra sự sắp xếp và chỉnh sửa nếu cần.
dISC	Tụ điện cần kiểm tra vẫn chứa điện tích. > Xả tụ điện đúng cách và tiến hành kiểm tra lại.
OPEn	Không có kết nối với các đầu dò trong chế độ đo RCDC . > Thiết lập kết nối với đối tượng đo.

Cảnh báo cầu chì lỗi	Nếu cầu chì cho giắc cắm A (testo 760-1, mA và / hoặc 10A (testo 760-2 / -3) bị lỗi, thiết bị sẽ không còn phát hiện giắc cắm tương ứng nữa. Dụng cụ sẽ không chuyển sang chế độ A. > Thay thế cầu chì bị lỗi.
----------------------	--

6.2 Phụ kiện và phụ tùng thay thế

Đầu dò và các cụm khác được đánh giá thích hợp cho cấp đo lường III hoặc IV và có định mức điện áp phù hợp cho mạch được đo.